

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Khiêm;
- Ông Nguyễn Hữu Thịnh.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lý Thị Sính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hứa Thị L, sinh năm 1992; đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1992; đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03-6-2024, các lời khai sau đó, nguyên đơn chị Hứa Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ được tự do tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng hơn 01 (một) năm và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng mẹ đẻ chị Hứa Thị L, địa chỉ: N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn do không hiểu nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và có ly thân khoảng 01 (một) năm. Sau đó, vợ chồng lại hàn gắn được tình cảm và sinh thêm con thứ hai vào năm 2020. Nhưng từ cuối năm 2020 đến nay, anh Lê Văn Đ thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi về thăm nhà, không đưa tiền cho chị, để mặc chị một mình chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, tình cảm ngày càng lạnh nhạt dần. Chị Hứa Thị L có khuyên bảo nhưng anh Lê Văn Đ vẫn không nghe, vẫn không đưa tiền, không có trách nhiệm cùng chị nuôi dưỡng, chăm lo cho các con. Nay, chị Hứa Thị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ có 02 (hai) con là cháu Lê Văn D, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 14/10/2020. Cả hai con đều do chị Hứa Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi sinh ra đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 (hai) con là cháu Lê Văn D, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 14/10/2020 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hứa Thị L không yêu cầu anh Lê Văn Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị Hứa Thị L làm công việc tự do, khi thì làm công nhân, khi thì bán hàng thuê, có thu nhập khoảng 7.000.000 đồng – 8.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở tại nhà mẹ đẻ là bà Hứa Thị Dương, địa chỉ: N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, được mẹ đẻ của chị hỗ trợ, chăm sóc, giúp đỡ nuôi cả hai con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Lê Văn Đ không tham gia tố tụng và không cung cấp thông tin, ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tại bản tự khai, cháu Lê Văn D trình bày nguyện vọng được sống cùng với mẹ đẻ là chị Hứa Thị L và bà ngoại.

Nguyên đơn chị Hứa Thị L đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Hứa Thị L đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự

và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn Đ không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/12/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2020 do tính cách không hoà hợp, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm, không quan tâm, yêu thương nhau. Vì vậy, chị Hứa Thị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị L được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ có 02 (hai) con là cháu Lê Văn D, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 14/10/2020. Xét thấy chị Hứa Thị L có chỗ ở, có việc làm và thu nhập, có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Lê Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Văn D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Hứa Thị L. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 (hai) con là cháu Lê Văn D, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 14/10/2020 cho chị Hứa Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; anh Lê Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Hứa Thị L không yêu cầu. Anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Hứa Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt. Nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn Đ cư trú tại thôn N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó,

căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/12/2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hoà hợp, không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Vợ chồng sống ly thân, không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Hứa Thị L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Hứa Thị L và anh Lê Văn Đ có 02 (hai) con chung là cháu Lê Văn D, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 14/10/2020, đang sống cùng chị Hứa Thị L. Cháu Lê Văn D có nguyện vọng được sống cùng chị Hứa Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy chị Hứa Thị L có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở ổn định, được mẹ đẻ giúp đỡ, hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn Đ không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, cần giao 02 con chung là 02 (hai) con là cháu Lê Văn D, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 14/10/2020 cho chị Hứa Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hứa Thị L chưa yêu cầu. Anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung: Chị Hứa Thị L trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Hứa Thị L trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Hứa Thị L được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 03/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương).

2. Về con chung:

Giao 02 (hai) con là cháu Lê Văn D, sinh ngày 23/3/2013 và cháu Lê Anh K, sinh ngày 14/10/2020 cho chị Hứa Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hứa Thị L chưa yêu cầu.

Anh Lê Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Hứa Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Hứa Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002333 ngày 04/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nông Thị Huyền Trang

